



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1332/QĐ-BVU, ngày 24 / 4 / 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa- Vũng Tàu)

<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>: Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo</b>	<b>: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng</b>
<b>Mã ngành</b>	<b>: 7510102</b>
<b>Chuyên ngành</b>	<b>: Xây dựng dân dụng và công nghiệp</b>
<b>Hệ đào tạo</b>	<b>: Chính quy</b>
<b>Khóa tuyển sinh</b>	<b>: 2020</b>

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Nhằm đào tạo Kỹ sư trình độ đại học ngành Kỹ thuật công trình xây dựng, cung cấp cho người học một chương trình đào tạo toàn diện, hiện đại, gắn kết với thực hành, chuyên sâu về thiết kế và thi công công trình xây dựng và có hướng liên ngành với các nhóm ngành công trình khác, khả năng đề xuất các vấn đề cụ thể trong thực tiễn đời sống và kỹ thuật với mục tiêu chuẩn bị phẩm chất, kiến thức, kỹ năng cho người kỹ sư xây dựng trong tương lai, cho sự thành công của họ trong môi trường làm việc thuộc các lĩnh vực công trình xây dựng chuyên nghiệp và năng động

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể

**Phẩm chất:** Đào tạo kỹ sư xây dựng có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; Có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, tinh thần làm việc theo nhóm, có khả năng tự nghiên cứu và tư duy sáng tạo; Năng động trong cập nhật kiến thức và áp dụng sáng tạo trong công việc; Có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt.

#### **Kiến thức:**

- Trang bị nền tảng vững chắc và phù hợp về khoa học cơ bản như toán học, hóa học, vật lý, triết học ...; kiến thức cơ sở làm nền móng của ngành kỹ thuật công trình xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan.

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành thiết kế và thi công công trình xây dựng, áp dụng để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong ngành xây dựng một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: phân tích, mô hình hóa, tính toán, thiết kế và đánh giá.

- Có kiến thức, hiểu biết về các vấn đề đương đại, đặc biệt các công nghệ xây dựng hiện đại thuộc lĩnh vực xây dựng.

### **Kỹ năng:**

#### **a. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**

- Sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm tin học ứng dụng văn phòng

- Sử dụng thành thạo internet, email.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm phân tích, tính toán, thiết kế và mô phỏng kết cấu công trình.

- Trang bị cho sinh viên kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phân tích các yêu cầu, giới hạn mục tiêu thiết kế qua các điều kiện ràng buộc. Các môn học cung cấp kỹ năng phân tích, mô tả công việc thiết kế, thi công hay giải quyết một nhiệm vụ kỹ thuật cụ thể dựa trên các tài liệu, bản vẽ được cung cấp.

#### **b. Kỹ năng giao tiếp**

Rèn luyện cho sinh viên có chiến lược giao tiếp, kỹ năng giao tiếp bằng văn viết, khả năng viết kỹ thuật, khả năng giao tiếp điện tử đa truyền thông, giao tiếp bằng đồ họa cụ thể như khả năng phân tích tình huống giao tiếp, lựa chọn một chiến lược giao tiếp, kỹ năng giao tiếp bằng văn viết mạch lạc và trôi chảy, khả năng viết kỹ thuật thông qua các thuyết minh đồ án, dự án xây dựng công trình, khả năng giao tiếp điện tử thông qua việc trình bày các bài thuyết trình bằng điện tử, áp dụng các kiểu hình thức như biểu đồ, bản vẽ phác và bản vẽ kỹ thuật các phương án kết cấu kiến trúc, ... thông qua các báo cáo semina, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp. Trong các đợt thực tập công nhân, tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội giao tiếp với các cơ quan đơn vị bên ngoài xã hội để đề đạt nguyện vọng, đề xuất yêu cầu... khi thu thập số liệu phục vụ công việc, nhằm rèn luyện kỹ năng thuyết phục người nghe để đạt mục đích. Thông qua đó trang bị cho sinh viên khả năng giao tiếp với đối tác khi tìm kiếm hợp đồng, thực hiện công việc... khi ra trường làm việc.

#### **c. Làm việc theo nhóm**

Một số đồ án môn học, semina, báo cáo thực tập môn học... sinh viên phải làm việc theo nhóm. Sinh viên chủ động trong việc thành lập nhóm, lựa chọn người điều hành nhóm để nhóm hoạt động hiệu quả, phân công công việc... phù hợp với năng lực, sở trường, tích cách, thói quen, môi trường sống... của mỗi cá nhân; tự tổ chức đánh giá kết quả trong nội bộ nhóm và lựa chọn, phân công thành viên trình bày trước giảng viên và các sinh viên trong lớp ý tưởng và giải pháp cụ thể của nhóm mình. Thông qua đó trang bị cho sinh viên, sau khi tốt nghiệp ra trường làm việc tại các cơ quan - đơn vị, có khả năng phối

hợp với bộ phận kỹ thuật, bộ phận tin học và bộ phận kinh tế khác trong đơn vị một cách hiệu quả để quản lý các quá trình, các sản phẩm có tính chất xây dựng...

#### d. Ngoại ngữ

Có khả năng đọc, dịch tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh; có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong xã hội và chuyên môn.

#### Thái độ:

Trang bị cho sinh viên ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng; tinh thần hợp tác, tương trợ, ý thức bảo vệ môi trường, rèn luyện ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, tính kiên trì và linh hoạt trong công việc, có tư duy sáng tạo thể hiện khả năng tổng hợp và tổng quát hóa, có tư duy suy xét, có khả năng nhận biết về kiến thức, kỹ năng, và thái độ cá nhân của mình, có lòng đam mê tìm hiểu và học tập suốt đời.

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 153 tín chỉ.

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 305/QĐ-ĐHBRVT ngày 25/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

**6. Thang điểm:** Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, sau đó chuyển đổi sang thang điểm 4 và thang điểm chữ theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

#### 7. Nội dung chương trình:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
Học kỳ 1				16	
Học phần bắt buộc				16	
1	060001	Toán cao cấp 1	0101060001	3(3, 0, 6)	
2	090008	Vẽ kỹ thuật	0101090008	3(3, 0, 6)	
3	090009	Cơ lý thuyết	0101090009	3(3, 0, 6)	
4	090018	Vật liệu xây dựng	0101090018	3(3, 0, 6)	
5	121909	Phương pháp học đại học và tư duy sáng tạo	0101121909	2(2, 0, 4)	
Học kỳ 2				15	
Học phần bắt buộc				15	
1	060010	Vật lý đại cương	0101060010	2(2, 0, 4)	
2	060024	Giáo dục thể chất 1 *	0101060024	1(0,1,2)	

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
3	060029	Giáo dục quốc phòng	0101060029	8(5, 3, 16)	
4	121906	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	0101121906	2(2, 0, 4)	
5	121912	Mos Word	0101121912	3(2, 1, 6)	
6	122837	Tiếng Anh 1A (English 1A)	0101122837	3(3, 0, 6)	
7	122838	Tiếng Anh 1B (English 1B)	0101122838	3(3, 0, 6)	
8	122839	Tiếng Anh 1C (English 1C)	0101122839	2(2, 0, 4)	
Học kỳ 3				14	
Học phần bắt buộc				14	
1	060005	Xác suất thống kê	0101060005	2(2, 0, 4)	060001(a)
2	060025	Giáo dục thể chất 2 *	0101060025	1(0,1,2)	060024(a)
3	121907	Kỹ năng giao tiếp nâng cao	0101121907	2(2, 0, 4)	121906(a)
4	121910	Mos Excel	0101121910	3(2, 1, 6)	
5	122840	Tiếng Anh 2A (English 2A)	0101122840	3(3, 0, 6)	122837(a)
6	122841	Tiếng Anh 2B (English 2B)	0101122841	3(3, 0, 6)	122838(a)
7	122842	Tiếng Anh 2C (English 2C)	0101122842	2(2, 0, 4)	122839(a)
Học kỳ 4				18	
Học phần bắt buộc				18	
1	060023	Pháp luật đại cương	0101060023	2(2, 0, 4)	
2	060026	Giáo dục thể chất 3 *	0101060026	1(0,1,2)	060025(a)
3	121911	Mos Powerpoint	0101121911	2(1, 1, 4)	
4	122791	Triết học Mác - Lênin	0101122791	3(3, 0, 6)	
5	122843	Tiếng Anh 3A (English 3A)	0101122843	3(3, 0, 6)	122840(a)
6	122844	Tiếng Anh 3B (English 3B)	0101122844	3(3, 0, 6)	122841(a)
7	122845	Tiếng Anh 3C (English 3C)	0101122845	2(2, 0, 4)	122842(a)
8	090012	Cơ kết cấu 1	0101090012	3(3, 0, 6)	090009(a) 060010(a)
Học kỳ 5				16	
Học phần bắt buộc				16	
1	090015	Địa chất công trình	0101090015	3(3, 0, 6)	
2	121485	Tin học chuyên ngành xây dựng	0101121485	2(1, 1, 4)	
3	122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	0101122792	2(2, 0, 4)	
4	122846	Tiếng Anh 4A (English 4A)	0101122846	3(3, 0, 6)	122843(a)
5	122847	Tiếng Anh 4B (English 4B)	0101122847	3(3, 0, 6)	122844(a)
6	090013	Cơ kết cấu 2	0101090013	3(3, 0, 6)	090012(a)
Học kỳ 6				11	
Học phần bắt buộc				11	
1	060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	0101060020	2(2, 0, 4)	
2	090017	Cơ học đất	0101090017	3(3, 0, 6)	090018(a) 090015(a)
3	120358	Sức bền vật liệu	0101120358	3(3, 0, 6)	090009(a)
4	123205	Phần mềm ứng dụng trong xây dựng	0101123205	3(2,1,6)	

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
Học kỳ 7				14	
Học phần bắt buộc				14	
1	060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	0101060034	2(2, 0, 4)	
2	090020	Kết cấu thép 1	0101090020	3(3, 0, 6)	090012(a)
3	090138	Bê tông cốt thép 1	0101090138	3(3, 0, 6)	120358(a)
4	120185	Thực tập chuyên ngành	0101120185	3(0,3,6)	
5	122765	Nền và móng 1	0101122765	3(3, 0, 6)	090015(a) 090017(a) 120358(a)
Học kỳ 8				16	
Học phần bắt buộc				16	
1	060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101060016	2(2, 0, 4)	
2	090045	Đồ án nền và móng	0101090045	1(0,1,2)	122765(a)
3	090137	Bê tông cốt thép 2	0101090137	3(3, 0, 6)	090138(a)
4	120879	Đồ án bê tông cốt thép	0101120879	1(0,1,2)	090138(a)
5	121498	Kỹ thuật thi công 1	0101121498	3(3, 0, 6)	122765(a)
6	122762	Nền và móng 2	0101122762	3(3, 0, 6)	122765(a)
7	090016	Trắc địa	0101090016	3(3, 0, 6)	
Học kỳ 9				9	
Học phần bắt buộc				9	
1	123207	Thủy lực đại cương - Cấp thoát nước	0101123207	3(3,0,6)	
2	123206	Dự toán công trình	0101123206	3(2,1,6)	
3	121062	Cấu tạo kiến trúc	0101121062	3(3, 0, 6)	
Học kỳ 10				12	
Học phần bắt buộc				12	
1	090026	Tổ chức thi công	0101090026	3(3, 0, 6)	121498(a)
2	090027	Kết cấu thép 2	0101090027	3(3, 0, 6)	090020(a)
3	090048	Đồ án kết cấu thép	0101090048	1(0,1,2)	090020(a)
4	090050	Đồ án kỹ thuật thi công	0101090050	1(0,1,2)	121498(a)
5	090051	Đồ án tổ chức thi công	0101090051	1(0,1,2)	121498(a)
6	121401	Kỹ thuật thi công 2	0101121401	3(3, 0, 6)	121498(a)
Học kỳ 11				12	
Học phần bắt buộc				4	
1	090128	Thực tập tốt nghiệp	0101090128	4(0,4,8)	
Học phần tự chọn				8	
1	090129	Đồ án tốt nghiệp	0101090129	8(8,0,16)	
<b>Tổng số tín chỉ:</b>				<b>153</b>	

- Số tín chỉ a(b,c,d) - a: tổng số tín chỉ, b: số tín chỉ lý thuyết, c: số tín chỉ thực hành, d: số tín chỉ tự học.

- Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng (có dấu \* ở cột Số tín chỉ), không tính vào tổng thời lượng toàn khoá, điểm trung bình chung học kỳ và trung bình chung tích lũy.

**HIỆU TRƯỞNG**



**GS.TS Nguyễn Lộc**